

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2023

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung <i>(nếu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1	02/QĐ-CTCT	5/1/2023	QĐ ban hành Kế hoạch xây dựng VBQLNB năm 2023
2	04/QĐ-CTCT	9/1/2023	QĐ phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Chủ tịch Công ty, KSV năm 2023 của Công ty
3	05/QĐ-CTCT	9/1/2023	QĐ ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm Hệ thống đồng hồ thời gian chuẩn GPS
4	06/QĐ-CTCT	9/1/2023	QĐ ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm Bộ nguồn biến báo hiệu suất cao 6.6/6.6A.
5	14/QĐ-CTCT	13/1/2023	QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án "mua sắm máy tính cao phục vụ đánh giá dữ liệu ADS-B tại ATCC Hà Nội"
6	16/QĐ-CTCT	13/1/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (Xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ)
7	21/QĐ-CTCT	13/1/2023	QĐ phê duyệt PA "Nâng cao hiệu quả hoạt động của BQLDA ĐTXDCN đến năm 2025"
8	27/QĐ-CTCT	17/1/2023	QĐ phê duyệt quyết toán DA hoàn thành "Mua sắm xe ô tô VAN phục vụ công tác đảm bảo cung cấp dịch vụ dẫn đường tại đài DVOR/DME/ADS-B Đà Nẵng"
9	28/QĐ-CTCT	18/1/2023	QĐ ban hành KH đoàn ra năm 2023 của Công ty
10	48/QĐ-CTCT	14/2/2023	QĐ phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "BH tài sản của Công ty TNHH Kỹ thuật QLB năm 2023" thuộc dự án "BH tài sản của Công ty TNHH Kỹ thuật QLB năm 2023"
11	65/QĐ-CTCT	2/3/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành "Mua sắm phần mềm thiết kế 3D CAD"

12	76/QĐ-CTCT	17/3/2023	QĐ điều chỉnh kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng CTCT và KSV năm 2023 của Công ty
13	84/QĐ-CTCT	27/3/2023	QĐ phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03 thuộc DA " Cải tạo hệ thống nước thải tại CSSX và cung cấp dịch vụ"
14	87/QĐ-CTCT	27/3/2023	QĐ điều chỉnh quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 đối với chức danh lãnh đạo, quản lý của Công ty
15	88/QĐ-CTCT	27/3/2023	QĐ điều chỉnh quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031 đối với chức danh lãnh đạo, quản lý của Công ty
16	103/QĐ-CTCT	6/4/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành "Đầu tư đài dẫn đường DVOR/DME Rạch Giá"
17	104/QĐ-CTCT	6/4/2023	QĐ phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện DA ĐT mua sắm bộ khuôn đúc nhôm áp lực chi tiết chân đế và bộ khuôn đúc nhôm áp lực chi tiết đế giữ giữa biển báo
18	112/QĐ-CTCT	12/4/2023	QĐ Phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu DA" Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh cho các đài / trạm CNS"
19	121/QĐ-CTCT	19/4/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành "Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đài DVOR/DME đầu Tây Nội Bài"
20	122/QĐ-CTCT	19/4/2023	QĐ phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của NLD và BDH Công ty
21	129/QĐ-CTCT	20/4/2023	QĐ cập nhật tên phòng Kỹ thuật - An toàn - Chất lượng trong các VB quản lý nội bộ của Công ty
22	147/QĐ-CTCT	28/4/2023	QĐ phê duyệt PAKD đầu tư thay thế, bổ sung thiết bị và tiếp tục khai thác, cung cấp dịch vụ ADS-B cho TCTQLBVN và dịch vụ ADS-B /VHF cho CHK Singapore tại trạm CNS Côn Sơn
23	155/QĐ-CTCT	9/5/2023	QĐ phê duyệt giá gói thầu, loại HĐ và hình thức HĐ thuộc KH lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị DA "Mua sắm máy photocopy"
24	157/QĐ-CTCT	10/5/2023	QĐ phê duyệt gói thầu, loại HĐ, hình thức HĐ DA "Mua sắm thiết bị dự phòng cho hệ thống ADS-B"
25	235/QĐ-CTCT	9/5/2023	QĐ sửa đổi Định biên lao động gián tiếp của Công ty
26	238/QĐ-CTCT	22/5/2023	QĐ phê duyệt giá gói thầu, loại HĐ và hình thức HĐ DA Mua sắm máy phát điện khẩn nguy cho các đài Nội Bài, Rạch giá, Vinh và Trạm CNS Trường Sa
27	239/QĐ-CTCT	22/5/2023	QĐ phê duyệt Kế hoạch lao động năm 2023



28	242/QĐ-CTCT	23/5/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đài DVOR/DME/ADS-B Đồng Hới
29	252/QĐ-CTCT	26/5/2023	QĐ Phê duyệt giá gói thầu, loại hợp đồng và hình thức HĐ thuộc KH lựa chọn nhà thầu điều chỉnh " Đầu tư và k/ thác trạm VHF Côn Sơn cho phân khu 3, phân khu 4 của FIR HCM"
30	260/QĐ-CTCT	31/5/2023	QĐ Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện" Đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo E-learning và hệ thống hội nghị trực tuyến"
31	270/QĐ-CTCT	8/6/2023	QĐ phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án" Mua sắm máy photocopy"
32	312/QĐ-CTCT	4/7/2023	QĐ phê duyệt giá gói thầu, loại HĐ và hình thức HĐ thuộc KH lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị DA "Mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động SXKD tại CN.HCM"
33	313/QĐ-CTCT	5/7/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành "ĐT mua sắm bộ khuôn đúc nhôm áp lực chi tiết chân đế và bộ khuôn đúc nhôm áp lực chi tiết đế giữ giữa biển báo"
34	319/QĐ-CTCT	7/7/2023	QĐ phê duyệt PA "Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của XNCTTBHK đến năm 2025"
35	326/QĐ-CTCT	7/7/2023	QĐ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành “Mua sắm máy đếm tần số”
36	340/QĐ-CTCT	14/7/2023	QĐ phê duyệt DA và KH lựa chọn nhà thầu DA “Mua sắm máy phát điện”
37	344/QĐ-CTCT	21/7/2023	QĐ v/v bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031 đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Công ty TNHH Kỹ thuật QLБ
38	358/QĐ-CTCT	26/7/2023	QĐ điều chỉnh kế hoạch xây dựng VBQLNB năm 2023 của Công ty TNHH KTQLB

BẢNG SỐ 2. THỐNG KÊ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch		Số hợp đồng
				VND	USD	
1	Trung tâm Thông báo tin tức Hàng Không	31/01/2023	Dịch vụ hỗ trợ đảm bảo kỹ thuật cho các hệ thống, trang thiết bị khu vực miền Bắc	313,500,000		3101/2023/HĐDV/TTHK-ATTECH
2	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh ATTAPU	15/03/2023	Khóa huấn luyện vận hành hệ thống thiết bị DVOR/DME/ILS (cơ bản)	277,000,000		0301/2023/HĐ/ATTAPU-ATTECH
3	Chi nhánh Tổng công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trực thăng Miền Nam	30/03/2023	Cung cấp dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn cơ bản thiết bị VOR/DME tại sân bay Vũng Tàu	776,671,500		02/2023/BHC/TTMN-ATT
4	Công ty Advanced Electrical and Communication System Contracting L.L.C	06/04/2023	Cung cấp 01 giàn phân xạ 60ft CP-00 cho dự án tại Myanmar		37,509.00	0612-Rev1
5	Công ty Quản lý bay Miền Nam	29/05/2023	Thực hiện Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt bàn console tại Đài KSKL Cần Thơ Dự án: Đầu tư thay thế bàn console cho Đài KSKL Cần Thơ	748,127,600		2905-HĐ/QLBMN-KH
6	Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1/6/2023	Cung cấp dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị dẫn đường hàng không mùa bay 2023/2024	73,923,593,370		23055/KT/ACV-ATT
7	Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam	30/06/2023	Cung cấp dịch vụ giám sát ADS-B năm 2023	33,428,995,586		05/2023/HĐCCDV-QLB-ATT
			Cung cấp dịch vụ thoại không địa VHF tại Trường Sa Lớn, Song Tử Tây năm 2023	15,157,536,435		06/2023/HĐCCDV-QLB-ATT
			Cung cấp dịch vụ dẫn đường VOR/DME, NDB năm 2023	146,693,937,115		07/2023/HĐCCDV-QLB-ATT
8	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Vinh	31/03/2023	Dịch vụ di chuyển đường dây và Trạm biến áp 1 pha 15 kVA của Trạm ADS-B/VHF/VSAT Côn Sơn	496,629,015		26/2023/HĐMH-X.DVKT
9	Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trung Long	23/02/2023	Mua cột anten và phụ kiện	577,482,950		07/HĐ-CNHC
10	Liên danh Bảo hiểm BMI - PVI	27/3/2023	Hợp đồng thực hiện Gói thầu "Bảo hiểm tài sản Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay năm 2023"	867,089,205		05/2023/HĐMH-BHTS
11	Công ty TNHH Toyota Long Biên & Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	26/04/2023	Thực hiện sửa chữa, cung cấp vật tư phụ tùng cho xe ô tô mang biển kiểm soát 29C-272.92	204,690,200		35/2023/HDDV
12	Công ty CP Tiếp vận TLC	29/05/2023	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa	295,900,000		43/2023/HĐMH-XDVKT
13	Công ty CP Công nghệ và dịch vụ trực tuyến VTCD	01/06/2023	Cung cấp bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft 365 và phần mềm Visio	454,618,000		44/2023/HĐMH-XDVKT
14	Công ty TNHH Thanh Vy	30/05/2023	Thuê tổ chức sự kiện hội nghị hiệp đồng và cung cấp dịch vụ ăn uống	296,340,000		47/2023/HĐMH-BHC
15	Công ty ANS CR - Séc	26/05/2023	Thuê nguồn lực còn thiếu phục vụ công tác BHC và bay đánh giá phương thức bay PBN mùa bay 2023/2024		2,915,352	128/2023/PS/088
16	Công ty CP Công nghệ xử lý nước và môi trường ETM	22/02/2023	Gói thầu 04 "Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ" thuộc dự án "Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ"	566,300,160		03/2023/HĐTM
17	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư thương mại Nguyễn Minh	5/4/2023	Thực hiện Gói thầu số 6 "Cung cấp, lắp đặt Card giao tiếp Radio với hệ thống VCCS "	346,500,000		07/2023/HĐTM
18	Công ty CP Kiến trúc xây dựng IAC	5/5/2023	Thực hiện gói thầu số 03 "Thi công xây lắp hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ"	841,689,899		08/2023/HĐXD
19	Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tư vấn Hà Nội	27/03/2023	Thực hiện gói thầu số 12 "Kiểm toán dự án hoàn thành"	221,452,000		06/2023/HĐTV

**GIAM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**TNHH**  
**KỸ THUẬT QUẢN LÝ**  
**BAY**  
**Nguyễn Hoàng Giang**



**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2023**

66  
3  
H  
QU  
AY  
4

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23



**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY**

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Chủ tịch Công ty**

Ông Lê Tiến Thịnh

Chủ tịch

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Ông Nguyễn Như Thành

Phó Giám đốc

Ông Phan Quốc Hưng

Phó Giám đốc

Ông Đinh Nhật Minh

Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Hoàng Giang**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Số: 244 /VACO/BCKIT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Chủ tịch, Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 7 năm 2023, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Công ty không thực hiện thủ tục kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty hay không.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có khoản phải thu lâu ngày chưa thu hồi với Ban Quản lý Dự án cầu Hải Phòng giá trị 5.630.862.213 VND, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng này. Công ty đã cung cấp cho chúng tôi hồ sơ liên quan đến khoản công nợ trên, nhưng chúng tôi không có được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số dư công nợ này không.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban Điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị là 45.625.064.581 VND theo Quyết định số 175/QĐ-HĐTV ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2023.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 - Vốn chủ sở hữu: Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

**Nguyễn Thị Huyền**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>282.291.504.567</b>	<b>311.184.253.385</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>125.490.396.318</b>	<b>126.751.769.537</b>
1. Tiền	111		65.090.396.318	6.751.769.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.400.000.000	120.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>142.593.573.204</b>	<b>168.437.571.804</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	114.462.606.706	133.619.287.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	18.429.147.165	18.461.698.990
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.701.819.333	16.356.584.962
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>12.794.071.575</b>	<b>15.484.868.831</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.823.921.098	15.514.718.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.849.523)	(29.849.523)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.413.463.470</b>	<b>510.043.213</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	861.764.350	500.717.807
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		534.748.120	9.325.406
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	15	16.951.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.677.987.759</b>	<b>133.500.285.705</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>235.723.548</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	235.723.548	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.724.674.811</b>	<b>78.450.059.224</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	77.591.295.390	75.276.937.919
- Nguyên giá	222		635.485.748.730	624.686.160.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(557.894.453.340)	(549.409.222.637)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	4.133.379.421	3.173.121.305
- Nguyên giá	228		21.721.619.986	19.647.848.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.588.240.565)	(16.474.727.162)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>59.918.420.650</b>	<b>48.295.491.513</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	59.918.420.650	48.295.491.513
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.799.168.750</b>	<b>6.754.734.968</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.492.637.992	4.009.116.758
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.306.530.758	2.745.618.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>429.969.492.326</b>	<b>444.684.539.090</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134.073.512.224</b>	<b>141.605.488.333</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.114.931.539</b>	<b>77.408.837.044</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	18.800.135.801	6.510.368.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	20.096.133.350	1.700.944.457
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.041.149.449	15.702.587.819
4. Phải trả người lao động	314		12.962.156.953	32.115.847.618
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.427.124.590	2.544.423.927
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		370.079.668	324.038.848
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		249.472.782	202.195.889
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.168.678.946	18.308.429.992
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.958.580.685</b>	<b>64.196.651.289</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	14	38.097.903.554	43.298.795.974
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		72.867.776	256.103.278
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		19.787.809.355	20.641.752.037
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>295.895.980.102</b>	<b>303.079.050.757</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>295.895.980.102</b>	<b>303.079.050.757</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		279.084.000.000	279.084.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.392.766.745	14.268.724.166
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.419.213.357	9.726.326.591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		157.885.945	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.261.327.412	9.726.326.591
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>429.969.492.326</b>	<b>444.684.539.090</b>



Nguyễn Hoàng Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Thị Chung  
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	150.964.137.380	117.950.935.821
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		150.964.137.380	117.950.935.821
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	95.575.526.149	90.069.791.593
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55.388.611.231	27.881.144.228
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.503.080.675	1.906.020.307
6. Chi phí tài chính	22		62.258.990	2.516.670
7. Chi phí bán hàng	25	23	3.018.120	3.000.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	22.857.654.256	17.674.988.680
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		34.968.760.540	12.106.659.185
10. Thu nhập khác	31		126.918.575	240.008.770
11. Chi phí khác	32		51.728.603	36.508.908
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		75.189.972	203.499.862
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.043.950.512	12.310.159.047
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	7.068.061.363	2.490.685.950
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		27.975.889.149	9.819.473.097



Nguyễn Hoàng Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Thị Chung  
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	167.092.129.186	77.676.218.883
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(51.990.398.460)	(63.529.466.433)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.093.094.035)	(35.303.607.380)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.093.361.677)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.991.371.322	7.513.543.481
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(55.327.678.880)	(37.602.620.796)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.578.967.456</b>	<b>(51.245.932.245)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.353.894.319)	(1.950.602.396)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.511.250.058	1.970.522.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.842.644.261)</b>	<b>19.919.837</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(192.024.308)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(192.024.308)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.263.676.805)</b>	<b>(51.418.036.716)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>126.751.769.537</b>	<b>181.380.742.155</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.303.586	49.190.580
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>125.490.396.318</b>	<b>130.011.896.019</b>



Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Thị Chung

Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền

Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên sửa đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 VND.

Tư sở chính đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**Tổng số lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 408 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)**

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không.

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 01 năm 2015).

#### **Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các Chi nhánh của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ BÁO CÁO**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 (báo cáo bán niên).

#### **Số liệu so sánh**

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong kỳ. Theo Ban Giám đốc đây là số vật tư, công cụ dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng nên Công ty xác định không trích lập dự phòng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Năm 2023
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị chương trình phần mềm, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Chương trình phần mềm và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, các khoản trả trước cho nhiều kỳ.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

#### Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam. Trong kỳ, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Quy chế tài chính của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam quyết định.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	550.629.464	741.781.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.539.766.854	6.009.987.618
Các khoản tương đương tiền (i)	60.400.000.000	120.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>125.490.396.318</b>	<b>126.751.769.537</b>

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có kỳ hạn một tháng.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	91.612.756.046	100.750.588.896
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	9.025.649.951	-
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	5.630.862.213	5.630.862.213
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Vân Đồn - CN Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn - Sun Group	2.621.074.800	2.178.005.520
Cục bản đồ - Bộ Tổng tham mưu	1.900.453.082	485.164.076
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)	-	18.514.718.856
Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận	874.780.054	2.569.929.149
Các đối tượng khác	2.797.030.560	3.490.019.142
<b>Cộng</b>	<b>114.462.606.706</b>	<b>133.619.287.852</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (i)</b>	<b>91.647.625.678</b>	<b>100.837.708.528</b>

Ghi chú:

(i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY**Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng 306	3.915.216.291	3.915.216.291
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp CONSTREXIM Số 8	3.426.869.500	3.426.869.500
Công ty TNHH Công nghệ DICOM	1.885.752.000	1.885.752.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Hà Nội	1.499.051.606	1.499.051.606
Công ty TNHH SPS Việt Nam	1.384.592.550	1.384.592.550
Công ty TNHH Đầu tư và XD Thành Vinh	1.413.793.099	1.328.077.439
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Dзі An	938.258.310	938.258.310
Công ty Cổ phần Giải pháp kỹ thuật Toàn Cầu	763.963.650	763.963.650
Các đối tượng khác	3.201.650.159	3.319.917.644
<b>Cộng</b>	<b>18.429.147.165</b>	<b>18.461.698.990</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>9.701.819.333</i>	-	<i>16.356.584.962</i>	-
Tạm ứng	673.334.000	-	339.108.519	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.864.795.476	-	11.753.644.909	-
Phải thu Tổng Công ty về lợi nhuận nộp thừa	-	-	2.951.220.990	-
Phải thu khác	1.163.689.857	-	1.312.610.544	-
<i>b) Phải thu khác dài hạn</i>	<i>235.723.548</i>	-	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	235.723.548	-	-	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.747.359.362	(22.713.129)	4.539.224.728	(22.713.129)
Công cụ, dụng cụ	150.163.019	-	150.163.019	-
Chi phí SXKD dở dang	7.148.380.296	-	10.201.485.758	-
Thành phẩm	778.018.421	(7.136.394)	623.844.849	(7.136.394)
<b>Cộng</b>	<b>12.823.921.098</b>	<b>(29.849.523)</b>	<b>15.514.718.354</b>	<b>(29.849.523)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	112.878.888.902	500.598.829.132	8.292.506.129	2.915.936.393	624.686.160.556
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.289.393.902	10.729.954.899	-	-	12.019.348.801
Tăng do phê duyệt quyết toán xây dựng cơ bản	238.925.784	2.686.372.435	41.760	-	2.925.339.979
Giảm do phê duyệt quyết toán xây dựng cơ bản	(4.145.100.606)	-	-	-	(4.145.100.606)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>110.262.107.982</b>	<b>514.015.156.466</b>	<b>8.292.547.889</b>	<b>2.915.936.393</b>	<b>635.485.748.730</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	72.111.951.231	468.593.605.277	6.927.076.705	1.776.589.424	549.409.222.637
Khấu hao trong kỳ	2.650.927.731	5.514.819.290	150.350.194	169.133.488	8.485.230.703
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>74.762.878.962</b>	<b>474.108.424.567</b>	<b>7.077.426.899</b>	<b>1.945.722.912</b>	<b>557.894.453.340</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	40.766.937.671	32.005.223.855	1.365.429.424	1.139.346.969	75.276.937.919
Số dư cuối kỳ	35.499.229.020	39.906.731.899	1.215.120.990	970.213.481	77.591.295.390

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty là 444.404.413.354 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 446.358.494.501 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty là 30.483.624.274 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30.088.463.274 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	13.836.840.489	5.811.007.978	19.647.848.467
Tăng do hình thành từ quỹ PTKHCN	-	-	367.903.915	367.903.915
Tăng do phê duyệt quyết toán	1.705.912.372	-	-	1.705.912.372
Giảm do phê duyệt quyết toán	-	(44.768)	-	(44.768)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.705.912.372</b>	<b>13.836.795.721</b>	<b>6.178.911.893</b>	<b>21.721.619.986</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	12.248.107.241	4.226.619.921	16.474.727.162
Khấu hao trong kỳ	120.269.676	692.119.202	301.124.525	1.113.513.403
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>120.269.676</b>	<b>12.940.226.443</b>	<b>4.527.744.446</b>	<b>17.588.240.565</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu kỳ	-	1.588.733.248	1.584.388.057	3.173.121.305
Số dư cuối kỳ	1.585.642.696	896.569.278	1.651.167.447	4.133.379.421

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 15.564.131.327 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.951.974.093 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 505.279.931 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 505.279.931 VND).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn	43.648.396.503	43.627.079.863
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Điện Biên mới	10.780.140.332	1.232.406.554
Đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning và hệ thống hội nghị trực tuyến	4.187.178.535	2.817.438.583
Công trình khác	1.302.705.280	618.566.513
<b>Cộng</b>	<b>59.918.420.650</b>	<b>48.295.491.513</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>861.764.350</b>	<b>500.717.807</b>
Chi phí bảo hiểm	334.165.962	4.134.142
Chi phí phần mềm	496.690.714	449.220.202
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.907.674	47.363.463
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.492.637.992</b>	<b>4.009.116.758</b>
Chi phí cấp giấy phép	349.762.553	363.981.754
Chi phí sử dụng tần số vô tuyến điện	227.148.266	154.910.158
Chi phí sửa chữa	1.580.317.416	1.855.269.597
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.335.409.757	1.634.955.249

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Selex Systems Integration	12.582.210.774	12.582.210.774	505.590.194	505.590.194
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện lạnh Vinashin	2.477.219.982	2.477.219.982	2.477.219.982	2.477.219.982
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030
Trung tâm Quản lý luồng không lưu - CN TCT Quản lý bay Việt Nam	404.511.660	404.511.660	520.922.923	520.922.923
Các đối tượng khác	2.193.408.355	2.193.408.355	1.863.850.365	1.863.850.365
<b>Cộng</b>	<b>18.800.135.801</b>	<b>18.800.135.801</b>	<b>6.510.368.494</b>	<b>6.510.368.494</b>
<b>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (i)</b>	<b>501.861.738</b>	<b>501.861.738</b>	<b>547.754.725</b>	<b>547.754.725</b>

Ghi chú:

- (i) Phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.096.133.350</b>	<b>1.700.944.457</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)	18.842.050.590	-
Cảng hàng không Tuy Hòa - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	1.140.000.000	-
Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không VN - CTCP	-	1.365.503.228
Các đối tượng khác	114.082.760	335.441.229
<b>b) Dài hạn</b>	<b>38.097.903.554</b>	<b>43.298.795.974</b>
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	38.097.903.554	43.298.795.974
<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn đối với bên liên quan (i)</b>	<b>74.812.760</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

- (i) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>	<b>15.702.587.819</b>	<b>16.072.076.425</b>	<b>24.733.514.795</b>	<b>7.041.149.449</b>
Thuế GTGT phải nộp	7.802.900.248	3.497.870	7.806.398.118	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.886.085.032	1.886.085.032	-
Thuế thu nhập cá nhân	326.417.337	3.392.747.379	3.653.554.958	65.609.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.573.270.234	7.068.061.363	8.093.361.677	6.547.969.920
Thuế nhà thầu	-	3.288.115.010	3.288.115.010	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	427.569.771	-	427.569.771
Lệ phí môn bài, thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>b) Phải thu</b>	-	-	<b>16.951.000</b>	<b>16.951.000</b>
Thuế GTGT	-	-	16.951.000	16.951.000
<b>Cộng</b>		<b>16.072.076.425</b>	<b>24.750.465.795</b>	

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn	2.742.181.513	2.742.181.513	1.470.710.700	1.470.710.700
Trích trước chi phí quyết toán dự án	1.321.990.624	1.321.990.624	764.123.883	764.123.883
Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đảng ...	362.952.453	362.952.453	309.589.344	309.589.344
<b>Cộng</b>	<b>4.427.124.590</b>	<b>4.427.124.590</b>	<b>2.544.423.927</b>	<b>2.544.423.927</b>

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY**Số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>279.084.000.000</b>	-	-	<b>192.024.308</b>	<b>279.276.024.308</b>
Lãi trong năm	-	-	-	47.720.299.831	47.720.299.831
Tăng trong năm	-	333.612.773	-	-	333.612.773
Giảm trong năm	-	(333.612.773)	-	-	(333.612.773)
Nộp lợi nhuận còn lại năm 2018, 2019 về Tổng Công ty	-	-	-	(192.024.308)	(192.024.308)
Bù trừ lợi nhuận đã nộp thừa Q1/2020 vào lợi nhuận năm trước	-	-	-	(929.374.616)	(929.374.616)
Phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	14.268.724.166	(37.064.598.624)	(22.795.874.458)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>279.084.000.000</b>	-	<b>14.268.724.166</b>	<b>9.726.326.591</b>	<b>303.079.050.757</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	27.975.889.149	27.975.889.149
Tăng trong kỳ	-	141.782.419	-	-	141.782.419
Giảm trong kỳ	-	(141.782.419)	-	-	(141.782.419)
Bù trừ công nợ; lợi nhuận chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển nộp về Tổng Công ty (i)	-	-	(14.268.724.166)	(9.568.440.646)	(23.837.164.812)
Tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 (ii)	-	-	8.392.766.745	(19.714.561.737)	(11.321.794.992)
<b>Tại ngày 30/6/2023</b>	<b>279.084.000.000</b>	-	<b>8.392.766.745</b>	<b>8.419.213.357</b>	<b>295.895.980.102</b>

**Ghi chú:**

- (i) Công ty thực hiện bù trừ công nợ, số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại và quỹ đầu tư phát triển năm 2022 phải nộp về Tổng Công ty với số phải trả quý IV/2022 các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty theo Biên bản bù trừ công nợ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa Công ty và Tổng Công ty.
- (ii) Theo Quy chế quản lý tài chính, Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên Công ty 6 tháng đầu năm 2023 lần lượt với số tiền là 11.152.852.684 VND và 168.942.308 VND. Số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày cuối kỳ	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%
	<b>279.084.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>279.084.000.000</b>	<b>100%</b>

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đồng Đô la Mỹ (USD)	30.350,90	25.503,88
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.421,49	1.421,28

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	8.289.876.393	1.906.857.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.674.260.987	116.044.078.094
<b>Cộng</b>	<b>150.964.137.380</b>	<b>117.950.935.821</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với bên liên quan (i)</b>	<b>91.356.097.073</b>	<b>64.897.795.126</b>

Ghi chú:

(i) Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	6.488.814.946	1.161.658.594
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	89.086.711.203	88.908.132.999
<b>Cộng</b>	<b>95.575.526.149</b>	<b>90.069.791.593</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.581.815.104	6.814.782.639
Chi phí nhân công	53.573.824.838	42.848.530.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.061.886.366	11.496.672.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.726.546.773	38.251.115.288
Chi phí khác bằng tiền	13.465.049.603	13.409.128.082
<b>Cộng</b>	<b>116.409.122.684</b>	<b>112.820.229.214</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	2.392.597.361	1.824.402.620
Lãi chênh lệch tỷ giá	110.483.314	81.617.687
<b>Cộng</b>	<b>2.503.080.675</b>	<b>1.906.020.307</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 VND
<b>a) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm</b>	<b>22.857.654.256</b>	<b>17.674.988.680</b>
Tiền lương	15.387.838.402	12.024.925.160
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.469.815.854	5.650.063.520
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>3.018.120</b>	<b>3.000.000</b>
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.018.120	3.000.000

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>35.043.950.512</b>	<b>12.310.159.047</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	135.321.163	131.279.359
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>135.321.163</i>	<i>131.279.359</i>
Thu nhập chịu thuế	35.179.271.675	12.441.438.406
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.035.854.335</b>	<b>2.488.287.681</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2021 theo tờ khai điều chỉnh bổ sung	-	2.398.269
Điều chỉnh tiền thuế TNDN năm 2022 do điều chỉnh giảm chi phí theo quyết toán thuế TNDN 2022	32.207.028	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.068.061.363</b>	<b>2.490.685.950</b>

Trong kỳ, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoảng 135 triệu đồng, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch và số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
		đến ngày 30/6/2023	đến ngày 30/6/2022
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>91.356.097.073</b>	<b>64.897.795.126</b>
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	91.197.697.743	64.763.145.796
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	63.399.330	63.399.330
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	95.000.000	71.250.000
<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		<b>91.647.625.678</b>	<b>100.837.708.528</b>
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	91.612.756.046	100.750.588.896
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	34.869.632	34.869.632
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	52.250.000
<b>Các khoản phải trả</b>		<b>501.861.738</b>	<b>547.754.725</b>
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	66.330.985	-
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	404.511.660	520.922.923
Công ty Quản lý bay Miền Bắc - CN TCT Quản lý bay Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	31.019.093	26.831.802
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>74.812.760</b>	<b>-</b>
Công ty Quản lý bay Miền Nam - CN TCT Quản lý bay Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	74.812.760	-

**26. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán.



Nguyễn Hoàng Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Nguyễn Thị Chung  
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền  
Người lập biểu